

Thứ ba, ngày 24 tháng 10 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index dần thu hẹp biên độ dao động

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/10/2023	•		
Tuần 16/10-20/10/2023		•	
Tháng 10/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường bật tăng ngay từ lúc mở cửa, tuy nhiên lực bán tại vùng 1,100 đã đẩy chỉ số xuống ngưỡng 1,090 trước khi bật tăng trở lại trong phiên chiều. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,105.90 điểm, tăng hơn 12 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Hóa chất, theo sau là Xây dựng và vật liệu. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Biên độ dao động của VN-Index quanh ngưỡng 1,100 đang có xu hướng thu hẹp. Trong những phiên tới, chỉ số có thể sẽ càng thu hẹp biên độ dao động hơn, tích lũy để hình thành đáy ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/10/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+12.37** điểm, đóng cửa **1105.9** điểm. HNX-Index **+2.64** điểm, đóng cửa **228.89** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.1)**, **BID (+1.27)**, **GVR (+0.71)**, **SSB (+0.63)**, **SAB (+0.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **DCM (-0.13)**, **PDN (-0.05)**, **BCM (-0.05)**, **DPM (-0.04)**, **PVD (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9074** tỷ đồng, giảm **-10.25%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10460 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.94 điểm. Thị trường có **355** mã tăng, 68 mã tham chiếu, **142** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-460.13** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (-135.49 tỷ)**, **VHM (-63.69 tỷ)**, **HPG (-35.83 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.06** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+1.00%**. Các mã diễn biến tích cực: **IDC (+4.10%)**, **GVR (+3.54%)**, **NLG (+3.53%)**
- BSC50 **+1.61%**. Các mã diễn biến tích cực: **CTD (+6.87%)**, **DIG (+6.23%)**, **DXG (+4.73%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Hóa chất	2.01%	Du lịch và Giải trí	0.42%
Xây dựng và Vật liệu	1.71%	Bán lẻ	0.32%
Dịch vụ tài chính	1.56%	Ô tô và phụ tùng	0.22%
Ngân hàng	1.54%	Tài nguyên Cơ bản	0.14%
Bất động sản	0.94%	Truyền thông	0.08%
Thực phẩm và đồ uống	0.87%	Dầu khí	0.04%
Công nghệ Thông tin	0.83%	Y tế	-0.16%
Điện, nước & xăng dầu khí	0.63%	VNMID	1.64%
Bảo hiểm	0.55%	VN30	0.93%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.53%	VNSML	0.73%
Hàng & Dịch vụ Công	0.48%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1105.90**

Giá trị: 9073.82 tỷ **12.37 (1.13%)**

Khối ngoại (ròng): -460.13 tỷ

HNX-INDEX **228.89**

Giá trị: 1201.65 tỷ **2.64 (1.17%)**

Khối ngoại (ròng): 5.06 tỷ

UPCOM-INDEX **85.54**

Giá trị: 345.96 tỷ **0.28 (0.33%)**

Khối ngoại (ròng): -1.51 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	89.8	-2.50%
Giá vàng	1,976	-0.30%
Tỷ giá USD/VND	24,555	-0.20%
Tỷ giá EUR/VND	26,138	0.09%
Tỷ giá JPY/VND	164.10	0.00%
LS liên NH 1 tháng	1.55%	
LS TPCP 5 năm	1.99%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KBC	28.40	MWG	-135.49
FPT	27.42	VHM	-63.69
DGC	22.77	HPG	-35.83
DIG	12.14	VCI	-32.50
GEX	10.14	VNM	-31.60

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 24/10/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	85.49	-2.90%	1.07%	-2.26%	3.09%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	89.83	-2.50%	0.83%	-1.62%	1.07%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.32	-2.13%	2.20%	-7.20%	-4.22%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.92	0.61%	-6.18%	0.37%	-51.66%		
TTF Gas	EUR/MWh	51.28	0.32%	5.80%	15.38%	-48.29%		
Vàng	Ounce	1,976.19	-0.30%	2.78%	2.98%	19.66%		PNJ
Bạc	Ounce	22.98	-1.60%	1.67%	-0.58%	19.30%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,286.75	-1.19%	0.04%	-0.85%	-6.84%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.86	-0.12%	0.30%	-8.47%	-22.66%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	145.40	0.55%	-1.82%	4.68%	18.12%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	27.48	2.35%	1.59%	4.45%	51.57%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	414.00	0.00%	0.36%	-3.16%	-43.29%		DPM, DCM
Niken	LB	18,406.00	0.00%	0.42%	-2.40%	-16.91%		PC1
Đồng	LB	3.56	0.52%	-0.74%	-2.28%	3.78%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,660.00	-2.92%	-10.14%	-13.92%	0.00%		CSV
Thép	CNY/ton	3,593.00	-1.05%	0.11%	-3.13%	-3.18%		HPG
Nhôm	Ton	2,180.00	-0.07%	-0.02%	-2.40%	0.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

- Giá dầu
- Giá dầu thô Brent kết thúc phiên giảm 2.33 USD, tương đương 2.5%, xuống 89.83 USD/thùng. Dầu thô trung cấp Tây Texas của Mỹ giảm 2.59 USD, tương đương 2.9%, xuống 85.49 USD/thùng.
 - Giá dầu giảm hơn 2% vào thứ Hai khi các nỗ lực ngoại giao ở Trung Đông được tăng cường nhằm nỗ lực ngăn chặn xung đột giữa Israel và Hamas, làm giảm bớt lo ngại của nhà đầu tư về khả năng gián đoạn nguồn cung

- Giá vàng
- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 0.3% xuống 1,976.19 USD/ounce; vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 giảm 0.3% xuống 1,987.80 USD/ounce.
 - Giá vàng đã giảm giá vào thứ Hai, sau khi nhảy vọt một cách ấn tượng lên mức quan trọng 2,000 USD trong phiên trước, khi các nhà giao dịch chuẩn bị tâm lý đón nhận thông tin về những diễn biến tiếp theo trong cuộc xung đột Trung Đông và dữ liệu kinh tế Mỹ.

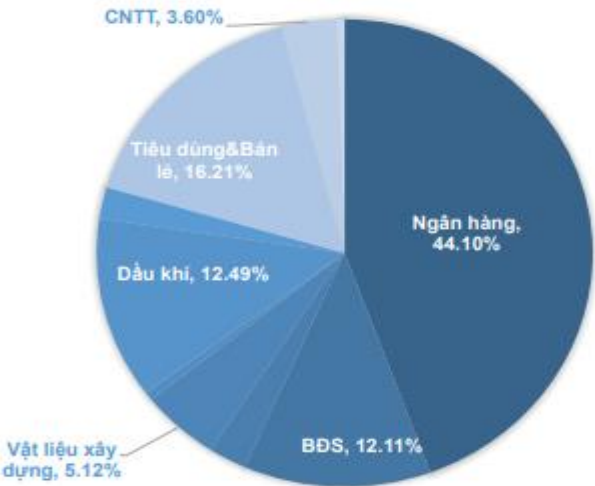
- Giá quặng sắt
- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc đã kết thúc phiên giảm 2.5% xuống 835 nhân dân tệ (114.13 USD)/tấn, là phiên giảm thứ ba liên tiếp.
 - Giá quặng sắt giao sau tại Đại Liên giảm vào thứ Hai do lo ngại dai dẳng về cuộc khủng hoảng lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc và dấu hiệu nhu cầu suy yếu từ các nhà máy thép Trung Quốc.

- Giá hàng hóa khác
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 tăng 0.6 cent, tương đương 0.4%, lên 1.6585 USD/lb, sau khi đạt mức cao nhất trong tháng là 1.67 USD.
 - Hợp đồng đậu tương giao dịch sôi động nhất phiên vừa qua có lúc giảm 15-1/2 cent xuống 12.86-3/4 USD/bushel, kết thúc phiên vẫn giảm 5-1/4 cent xuống 4.90-1/4 USD/bushel.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	86.0	1.8%	0.9	19,603	3.5	5,797	14.8	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	41.3	2.5%	0.7	8,520	1.5	4,025	10.3	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	21.0	0.0%	0.9	6,811	4.7	1,727	12.2	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	31.4	1.5%	1.5	4,497	2.8	5,059	6.2	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	17.9	0.6%	1.3	3,806	3.2	3,496	5.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.0	1.0%	0.9	2,306	14.6	3,600	8.3	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	20.4	3.5%	1.8	3,336	1.4	714	28.7	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	31.2	2.8%	1.7	978	7.3	4,368	7.2	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	50.8	4.1%	1.6	684	8.7	3,969	12.8	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	50.6	2.3%	1.9	925	1.9	2,651	19.1	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	24.0	0.0%	2.0	5,692	9.5	(328)	-73.1	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	44.6	0.2%	1.4	7,920	5.8	10,341	4.3	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	26.6	2.3%	1.1	2,465	2.3	1,588	16.7	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	30.6	1.5%	1.8	998	1.0	1,280	23.9	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	35.2	3.5%	1.4	551	3.4	1,582	22.2	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	89.9	2.7%	1.6	1,392	7.4	10,728	8.4	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	34.8	-1.3%	0.8	555	4.6	6,403	5.4	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	31.7	-3.2%	1.1	684	14.0	4,286	7.4	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	81.2	0.7%	0.5	7,606	1.2	5,567	14.6	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	35.5	0.4%	0.9	1,840	0.4	2,125	16.7	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	38.1	-0.3%	1.1	743	4.8	1,953	19.5	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.6	-1.1%	1.3	626	4.9	449	61.5	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.2	1.4%	0.7	1,070	1.8	602	18.6	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	70.3	0.1%	0.5	5,992	3.2	3,935	17.9	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	66.9	1.4%	1.1	3,904	4.5	916	73.0	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	43.0	0.0%	1.7	2,565	14.4	1,069	40.2	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	74.8	0.7%	0.7	1,001	0.9	5,503	13.6	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	72.5	0.4%	0.6	542	1.2	7,080	10.2	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	61.4	-0.8%	0.6	766	1.9	7,470	8.2	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	92.0	1.1%	0.6	4,765	6.0	4,573	20.1	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.5	0.70%	0.9	5,782	3.0	3,664	8.1	1.3	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.9	0.5%	0.9	3,469	2.3	3,722	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.6	0.3%	0.8	2,070	5.6	2,765	6.3	1.3	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	14.8	0.3%	1.0	1,538	1.5	1,410	10.5	1.5	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.5	2.5%	1.4	1,914	1.6	3,534	5.2	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	19.8	1.8%	2.0	981	10.4	467	42.3	1.6	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	16.8	2.1%	1.1	1,508	2.9	2,697	6.2	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	31.0	1.5%	1.5	1,898	18.1	1,090	28.5	2.1	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	16.0	2.9%	2.0	186	5.1	318	50.5	6.5	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.7	1.7%	1.8	0	0.4	445	26.3	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	52.9	6.9%	1.9	214	3.5	681	77.6	0.6	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.3	3.7%	1.6	206	4.0	919	16.6	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.3	1.8%	2.2	87	1.1	482	23.4	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	63.4	-0.3%	0.7	2,676	0.5	418	151.7	3.7	2.7%	1.7%
HUT	KCN	21.6	1.9%	1.4	786	2.8	56	382.3	5.3	2.0%	1.3%
PHR	KCN	48.0	2.6%	1.2	266	0.7	6,568	7.3	1.9	15.4%	26.9%
SZC	KCN	38.8	3.7%	1.7	190	2.3	1,405	27.6	2.9	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	17.7	0.0%	2.2	445	3.3	(2,105)	-8.4	1.1	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.2	0.4%	1.4	190	0.1	176	69.4	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	18.6	0.8%	2.5	200	3.3	(2,655)	-7.0	1.0	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	57.4	0.2%	0.9	157	0.1	5,309	10.8	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.5	0.2%	1.7	79	0.7	1,482	17.2	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	13.6	2.2%	2.1	1,086	5.2	(295)	-46.2	0.7	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	17.7	4.7%	2.9	440	10.3	(317)	-55.9	0.8	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	31.7	3.3%	1.4	175	2.3	2,190	14.5	2.3	2.0%	16.9%
DIG	BĐS	21.3	6.2%	2.8	530	13.9	152	139.9	1.7	5.6%	1.1%
IJC	BĐS	13.6	1.1%	1.9	140	0.4	1,597	8.5	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	20.1	-1.0%	1.5	0	5.7	1,596	12.6	1.2	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	27.4	-0.2%	0.6	362	2.5	2,993	9.2	1.1	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.8	0.7%	1.5	102	0.1	1,353	22.8	2.0	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.0	0.9%	1.0	111	0.1	1,980	11.6	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	59.6	0.7%	0.7	993	0.4	6,445	9.2	1.3	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.4	3.9%	1.7	745	12.2	384	55.8	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	23.6	3.3%	0.6	277	0.7	2,560	9.2	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	26.5	1.9%	1.6	330	0.6	2,739	9.7	1.2	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	27.2	0.7%	1.6	300	2.1	944	28.8	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.4	1.1%	0.7	186	0.1	636	21.0	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.2	0.7%	2.7	178	1.1	(79)	-104.1	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	69.1	1.9%	0.3	3,614	0.5	3,518	19.6	3.6	62.3%	18.7%
QNS	F&B	47.2	0.9%	0.5	0	0.5	4,965	9.5	2.2	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	93.9	1.1%	1.1	522	1.3	(327)	-286.9	8.0	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	54.0	2.3%	2.2	368	2.1	2,984	18.1	4.1	23.6%	21.9%
DBC	F&B	21.4	3.6%	2.0	212	2.5	551	38.9	1.1	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.0	0.4%	2.4	109	0.2	837	29.9	1.4	1.4%	5.7%
BAF	F&B	23.7	1.7%	0.7	139	2.7	1,225	19.3	2.0	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	33.6	1.7%	1.7	183	1.8	2,162	15.6	1.7	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	25.6	0.0%	0.5	140	0.4	1,370	18.7	1.1	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	34.0	-0.4%	1.1	146	3.1	5,742	5.9	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	77.2	2.9%	1.3	360	1.0	4,238	18.2	5.4	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	18.9	0.5%	1.3	88	1.0	2,353	8.0	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639